

Thứ hai, ngày 1 tháng 3 năm 2021

Vietnam Daily Review

Hưng khởi đầu tháng, VNIndex tăng về quanh 1185 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/3/2021		•	
Tuần 1/3-5/3/2021		•	
Tháng 3/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex tăng dần từ đầu phiên sáng đến cuối phiên chiều và hiện đang ở quanh ngưỡng 1,185. Trên thị trường, dòng tiền đầu tư gia tăng với 18/19 nhóm ngành tăng điểm cho dù chịu áp lực bán ròng của khối ngoại bán ròng trên cả 2 sàn HSX và HNX. Bên cạnh đó, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực với thanh khoản gia tăng so với phiên cuối tuần trước. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex có thể sẽ hướng về vùng đỉnh lịch sử quanh 1200 vào những phiên tới nhưng chưa thể có sự bứt phá trong một sớm một chiều.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1200 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 01/03/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: FCN_Tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+17.7** điểm, đóng cửa **1186.17**. HNX-Index **+3.15** điểm, đóng cửa **252.37**.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.35); VHM (+1.23); VCB (+0.99); TCB (+0.9); VIB (+0.86)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIC (-0.44); LGC (-0.19); VCF (-0.07); SAB (-0.03); SVC (-0.03)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **14,562 tỷ đồng**, **+5.67%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 16,024 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 12.37 điểm. Thị trường có **358** mã tăng, 60 mã tham chiếu và 85 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-209.29** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **HPG (-166.9 tỷ), CTG (-95.8 tỷ) và VNM (-79.3 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-17.12** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX	1186.17
Giá trị: 14562.3 tỷ	17.7 (1.51%)
Khối ngoại (ròng): -209.29 tỷ	

HNX-INDEX	252.37
Giá trị: 1303.3 tỷ	3.15 (1.26%)
Khối ngoại (ròng): -17.12 tỷ	

UPCOM-INDEX	77.15
Giá trị: 1160.1 tỷ	0.51 (0.67%)
Khối ngoại (ròng): -0.44 tỷ	

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	62.6	1.76%
Giá vàng	1,753	1.08%
Tỷ giá USD/VND	23,025	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,777	-0.04%
Tỷ giá JPY/VND	21,606	0.02%
LS liên NH 1 tháng	0.8%	21.77%
LS TPCP 5 năm	1.1%	-2.27%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
PLX	130.0	HPG	166.9
HSG	20.7	CTG	95.8
SSI	19.4	VNM	79.3
STB	16.5	HDG	45.7
PDR	16.3	KDH	25.8
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật giá cả hàng hóa chiều 01/03

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	62.63	1.84%	1.51%	18.77%	35.36%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	65.60	1.83%	1.93%	19.49%	57.88%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	198.18	1.60%	2.64%	18.73%	35.95%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1750.32	0.94%	-3.28%	-5.04%	7.05%		PNJ
Bạc	USD/ounce	26.88	0.78%	-4.49%	1.41%	60.41%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1417.00	0.91%	2.13%	3.19%	56.70%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	662.75	0.38%	-1.05%	0.76%	19.95%		AFX
Sữa	USD /cwt	16.20	-0.12%	-0.98%	-2.70%	-2.17%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	247.98	-3.41%	-1.34%	14.73%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	16.62	1.03%	-4.70%	9.99%	18.97%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	137.50	-1.82%	6.47%	8.61%	15.40%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	9077.00	-3.56%	1.88%	16.00%	61.08%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	718.87	-0.37%	1.38%	7.53%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC	USD/ton	750.58	-0.58%	1.18%	10.31%			
Nhôm	USD/ton	2154.50	-3.60%	1.08%	8.16%	27.15%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	175.97	-0.25%	-0.26%	8.14%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	83.05	1.96%	7.37%	-6.21%	24.23%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

- Giá dầu.**
- Giá dầu ngày 1/3 tăng mạnh trong bối cảnh Hạ viện Mỹ thông qua gói hỗ trợ, kích thích kinh tế trị giá 1.900 tỷ USD. Gói hỗ trợ được kỳ vọng sẽ tạo cú hích lớn đối với đà phục hồi của nền kinh tế số 1 thế giới, đặc biệt khi cuộc chiến phòng chống dịch Covid-19 có nhiều chuyển biến tích cực.
 - Tuy nhiên, đà tăng của giá dầu thế giới hiện vẫn đang bị chi phối bởi khả năng gia tăng nguồn cung khi các nhà sản xuất có khả năng trở lại thị trường, tăng sản lượng trong bối cảnh giá dầu tăng cao.

- Giá vàng**
- Dự báo lạm phát gia tăng khi các nền kinh tế thị trường phát triển mở cửa trở lại đẩy lợi suất trái phiếu kho bạc của Mỹ tăng, gây áp lực lên vàng - vốn không sinh lời bằng hình thức lãi suất. Bức tranh tổng thể của thị trường vàng có vẻ tồi tệ, bởi nguy cơ giảm nhu cầu vàng vật chất, nếu lợi suất của các tài sản khác tiếp tục tăng

	1/3	% 1/3	26/2	% 26/2	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1186.17	1.51%	1168.47	0.26%	0.95%	1.89%
S&P 500			3811.15	-0.48%	-2.45%	-1.00%
HĐTL S&P500	3856.25	1.24%	3809.20	-0.49%	-0.45%	2.99%
Shang- hai	3551.40	1.21%	3509.08	-2.12%	-2.50%	-1.93%
Euro Stoxx	3691.99	1.53%	3636.44	-1.33%	-0.21%	3.79%

Phân tích kỹ thuật

FCN_Tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng

Nhận định: FCN đang hình thành xu hướng tăng sau khi điều chỉnh về ngưỡng đáy 10.4. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với xu hướng tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu đang có dấu hiệu vượt lên dải mây Ichimoku báo hiệu xu hướng tăng giá trung hạn sắp hình thành. Nhà đầu tư trung hạn có thể cân nhắc mở vị quanh ngưỡng giá 12.5-13.0 và chốt lãi khi cổ phiếu tiếp cận ngưỡng giá 16.0. Cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 12.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

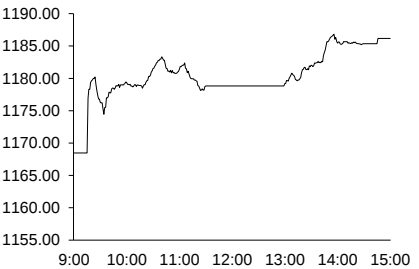
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Viễn thông	0.00%
Truyền thông	0.15%
Y tế	0.26%
Bán lẻ	0.38%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.69%
Bất động sản	0.80%
Thực phẩm và đồ uống	0.85%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.07%
Xây dựng và Vật liệu	1.29%
Ô tô và phụ tùng	1.35%
Tài nguyên Cơ bản	1.61%
Ngân hàng	1.91%
Dầu khí	1.95%
Công nghệ Thông tin	2.10%
Hóa chất	2.20%
Du lịch và Giải trí	2.29%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	2.61%
Dịch vụ tài chính	3.39%
Bảo hiểm	3.43%

Hình 1

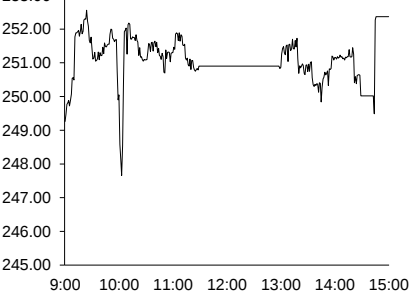
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
2/26/2021	VCS	86.2	95	79.8	88.2	3	2.32%	Có thể tiếp tục mua
2/25/2021	HVN	29	32	27	31.4	4	8.28%	Cần nhắc không mua thêm (**)
2/24/2021	SHS	26.7	32	22.8	28	5	4.87%	Có thể tiếp tục mua
2/23/2021	PVB	19.1	21.3	17.3	19.3	6	1.05%	Có thể tiếp tục mua
2/22/2021	BCG	14.2	19.5	11.8	15.7	7	10.56%	Có thể tiếp tục mua
2/18/2021	SSI	33.3	49.5	29.7	35	11	5.11%	Có thể tiếp tục mua
2/17/2021	CCL	11.65	14.3	9.9	13.7	12	17.60%	Cần nhắc không mua thêm (**)
2/9/2021	REE	54	62.5	50	56.9	20	5.37%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/9/2021	KBC	38.6	46	35	39.3	20	1.81%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/5/2021	VIB	35.4	43	32.8	42.45	24	19.92%	Cần nhắc không mua thêm (**)
2/4/2021	FPT	72.5	82	63.4	77.9	25	7.45%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/3/2021	NVL	83	97	73.9	79.7	26	-3.98%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/1/2021	DDG	31	34	29.4	31.3	28	0.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/27/2021	VNP	9.6	11.3	8.1	10.6	33	10.42%	Có thể tiếp tục mua
12/7/2020	HT1	16.95	20	15	17.7	84	4.42%	Có thể tiếp tục mua

Chú thích:
 (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt
 (**) Tiệm cận giá mục tiêu

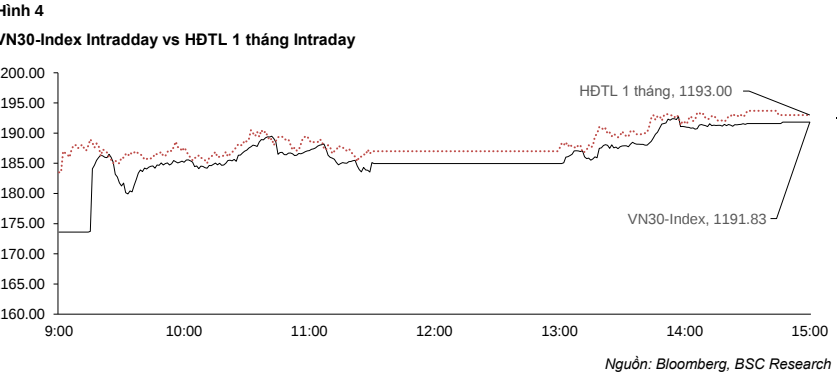
Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
2/19/2021	HNG	12.5	14.5	11.5	SL	5	-8.00%
2/2/2021	PC1	24.4	28.5	22	TP	27	16.80%
1/29/2021	HPX	36.35	42.2	32	TP	20	16.09%
1/28/2021	GKM	18.1	19.8	17.3	TP	6	9.39%
1/26/2021	HBC	18.9	22.9	14.7	SL	7	-22.22%
1/25/2021	VSH	19.35	20.7	18.4	SL	3	-4.91%
1/22/2021	CSM	19.6	21.6	17.5	TP	4	10.20%
1/21/2021	HLD	27.5	30.3	25.4	SL	5	-7.64%
1/20/2021	PVT	17.3	22.5	15.4	SL	9	-10.98%
1/19/2021	VRC	11	13.4	8.9	SL	13	-19.09%
1/18/2021	PNJ	83.9	96.5	75.8	SL	11	-9.65%
1/15/2021	VCI	62.3	76.5	58	SL	5	-6.90%
1/14/2021	TCB	35.75	41.5	33.5	SL	6	-6.29%
1/13/2021	HVN	31.1	36	28	SL	7	-9.97%
1/12/2021	SAB	205.5	230	195.5	SL	7	-4.87%

Chú thích:
 Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất
 TP - Đã chốt lời
 SL - Đã cắt lỗ
 FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	14	1	7.15%	-3.98%	6.41%	21
Cổ phiếu đã chốt	110	56	13.11%	-8.14%	5.94%	29

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2103	1193.00	1.62%	1.17	-47.6%	104,843	3/18/2021	19
VN30F2104	1195.80	1.69%	3.97	-52.9%	240	4/15/2021	47
VN30F2106	1198.00	1.36%	6.17	-49.2%	61	6/17/2021	110
VN30F2109	1198.50	1.56%	6.67	170.9%	539	9/16/2021	201

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +18.23 điểm, lên 1191.83 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, VPB, STB, MBB, HPG tác động mạnh đến vận động tăng của VN30. VN30 tăng tích cực đầu phiên sáng lên trên 1185 điểm, sau đó tích lũy quanh vùng 1185-1190 điểm trong phần lớn thời gian giao dịch còn lại. VN30 có thể vận động tích lũy quanh 1185-1200 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, VN30F2103 và VN30F2109 đang tăng, trong khi VN30F2104 và VN30F2106 đang giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2106, các hợp đồng đều tăng. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 1200 điểm cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB2101	7/6/2021	127	2:1	381,700	33.56%	1,600	4,490	21.35%	1,897	2.37	29,200	26,000	28,350
CSTB2012	4/1/2021	31	1:1	427,300	41.17%	2,500	6,170	12.18%	6,153	1.00	15,500	13,000	19,100
CSTB2011	3/30/2021	29	1:1	386,300	41.17%	2,700	4,630	10.77%	4,660	0.99	17,200	14,500	19,100
CTCB2010	4/1/2021	31	2:1	380,200	36.00%	2,000	9,400	9.30%	9,393	1.00	25,500	21,500	40,200
CSTB2007	4/27/2021	57	2:1	344,000	41.17%	1,500	4,220	9.04%	4,114	1.03	13,999	10,999	19,100
CSTB2013	3/12/2021	11	1:1	226,300	41.17%	3,200	7,150	8.83%	7,117	1.00	15,200	12,000	19,100
CVRE2014	5/4/2021	64	1:1	431,400	35.59%	4,600	7,440	7.98%	7,103	1.05	32,100	27,500	34,250
CMBB2010	6/14/2021	105	1:1	146,200	33.56%	4,600	12,910	7.14%	12,568	1.03	20,600	16,000	28,350
CFPT2016	6/22/2021	113	5:1	313,500	28.64%	2,580	5,990	6.96%	5,727	1.05	62,900	50,000	77,900
CTCB2013	5/4/2021	64	1:1	226,600	36.00%	4,700	17,500	6.00%	17,391	1.01	27,700	23,000	40,200
CMBB2011	3/12/2021	11	1:1	93,400	33.56%	3,800	12,400	5.98%	12,373	1.00	19,800	16,000	28,350
CTCB2102	7/6/2021	127	2:1	591,500	36.00%	2,300	5,450	5.83%	3,071	1.77	57,200	48,000	40,200
CSTB2014	6/14/2021	105	1:1	312,700	41.17%	3,800	7,570	5.14%	7,281	1.04	15,800	12,000	19,100
CHPG2103	7/6/2021	127	2:1	324,000	33.64%	3,900	5,380	4.47%	3,218	1.67	49,800	42,000	46,200
CHPG2102	7/5/2021	126	1:1	112,400	33.64%	6,600	10,500	3.96%	7,109	1.48	47,600	41,000	46,200
CTCB2009	3/30/2021	29	1:1	71,000	36.00%	4,400	17,300	3.90%	18,283	0.95	26,400	22,000	40,200
CHPG2021	4/1/2021	31	2:1	200,500	33.64%	2,400	10,890	3.71%	10,650	1.02	29,800	25,000	46,200
CHPG2010	4/5/2021	35	4:1	302,500	33.64%	1,800	5,870	2.98%	3,313	1.77	32,969	27,079	46,200
CHPG2018	5/14/2021	74	4:1	406,100	33.64%	1,200	4,310	1.65%	4,123	1.05	34,799	29,999	46,200
Tổng				5,677,600	35.95%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất				CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%				Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
				**Trung bình độ lệch chuẩn				*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 01/03/2021, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.
- CMWG2102 và CPNJ2102 tăng mạnh lần lượt là 26.97% và 26.64%. Trái lại, CVIC2004 giảm mạnh -15.25%. Giá trị giao dịch giảm -14.10%. CTCB2013 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 4.93% thị trường.
- CTCB2009, CFPT2010, CVPB2013, CFPT2014, và CVPB2010 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMSN2012, CVPB2013, và CHPG2025 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2010, CHPG2020, và CHPG2014 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
TCB	40.20	2.42	2.68
VPB	40.80	2.00	1.82
STB	19.10	4.09	1.59
MBB	28.35	2.53	1.46
HPG	46.20	1.32	1.35

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VIC	108.5	-0.46	-0.42
MWG	134.8	-0.15	-0.08
PNJ	84.7	-0.24	-0.05
REE	56.9	0.35	0.03
NVL	79.7	0.13	0.05

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	134.8	-0.1%	1.0	2,732	7.0	8,654	15.6	3.9	49.0%	28.4%
PNJ	Bán lẻ	84.7	-0.2%	1.0	837	1.8	4,727	17.9	3.7	48.9%	21.8%
BVH	Bảo hiểm	61.8	4.6%	1.5	1,995	2.5	2,087	29.6	2.3	27.9%	7.9%
PVI	Bảo hiểm	32.6	0.3%	0.5	317	0.1	3,321	9.8	1.1	54.3%	10.8%
VIC	Bất động sản	108.5	-0.5%	0.7	15,956	3.7	1,569	69.1	4.7	14.1%	6.7%
VRE	Bất động sản	34.3	3.2%	1.1	3,384	8.0	1,048	32.7	2.7	31.1%	8.5%
VHM	Bất động sản	103.0	1.4%	1.1	14,731	10.3	8,463	12.2	3.9	22.4%	39.1%
DXG	Bất động sản	23.9	1.5%	1.3	537	4.5	(833)		2.0	34.7%	-6.5%
SSI	Chứng khoán	35.0	5.4%	1.4	912	28.8	2,093	16.7	2.1	43.7%	13.1%
VCI	Chứng khoán	55.0	2.2%	1.0	396	2.1	4,662	11.8	2.0	27.8%	17.9%
HCM	Chứng khoán	31.0	6.2%	1.5	410	8.5	1,738	17.8	2.1	47.1%	12.1%
FPT	Công nghệ	77.9	2.2%	0.9	2,655	7.0	4,122	18.9	3.9	49.0%	23.8%
FOX	Công nghệ	65.0	0.9%	0.4	773	0.0	4,812	13.5	3.4	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	91.9	2.9%	1.4	7,647	6.5	4,038	22.8	3.6	2.9%	16.1%
PLX	Dầu khí	59.0	1.4%	1.5	3,127	13.5	631	93.5	3.4	15.2%	4.4%
PVS	Dầu khí	23.3	3.6%	1.6	484	16.3	1,357	17.2	0.9	10.0%	5.4%
BSR	Dầu khí	13.9	13.0%	0.8	1,874	21.1	898	15.5	1.3	41.1%	8.5%
DHG	Dược	100.8	0.3%	0.3	573	0.1	5,443	18.5	3.7	54.6%	20.5%
DPM	Hóa chất	17.5	3.9%	0.7	298	1.9	1,663	10.5	0.8	12.3%	8.6%
DCM	Hóa chất	14.0	3.7%	0.6	322	2.6	1,030	13.6	1.2	2.4%	8.8%
VCB	Ngân hàng	99.2	1.0%	1.1	15,997	3.9	4,974	19.9	3.7	23.7%	20.5%
BID	Ngân hàng	44.1	1.1%	1.3	7,712	4.3	1,775	24.9	2.3	17.3%	9.4%
CTG	Ngân hàng	38.1	2.3%	1.4	6,168	23.1	3,674	10.4	1.7	28.3%	16.9%
VPB	Ngân hàng	40.8	2.0%	1.2	4,355	5.9	4,271	9.6	1.9	23.4%	21.9%
MBB	Ngân hàng	28.4	2.5%	1.2	3,450	27.0	2,965	9.6	1.7	23.2%	19.2%
ACB	Ngân hàng	33.3	0.6%	1.0	3,125	12.2	3,557	9.3	2.0	30.0%	24.3%
BMP	Nhựa	63.6	1.0%	0.8	226	0.6	6,386	10.0	2.1	81.9%	21.2%
NTP	Nhựa	35.8	0.0%	0.5	183	0.0	3,797	9.4	1.6	19.0%	17.3%
MSR	Tài nguyên	21.8	1.9%	0.7	1,042	0.9	356	61.2	1.7	10.1%	2.9%
HPG	Thép	46.2	1.3%	1.1	6,655	44.1	4,056	11.4	2.6	30.8%	25.2%
HSG	Thép	28.0	5.7%	1.3	541	15.2	3,387	8.3	1.8	9.0%	24.3%
VNM	Tiêu dùng	105.6	0.8%	0.7	9,596	10.0	4,770	22.1	7.1	57.5%	33.9%
SAB	Tiêu dùng	187.8	-0.1%	0.8	5,236	0.9	7,064	26.6	6.0	63.1%	24.4%
MSN	Tiêu dùng	91.3	1.1%	0.9	4,663	3.4	1,054	86.6	6.7	32.5%	4.2%
SBT	Tiêu dùng	22.9	5.5%	1.2	614	5.5	946	24.2	1.8	7.8%	7.4%
ACV	Vận tải	76.3	2.7%	0.8	7,222	0.7	3,450	22.1	4.5	3.4%	22.3%
VJC	Vận tải	136.2	0.8%	1.1	3,102	3.9	132		4.8	19.2%	0.5%
HVN	Vận tải	31.4	4.8%	1.7	1,936	3.4	(7,647)		7.0	9.2%	-88.4%
GMD	Vận tải	34.4	2.5%	1.0	450	4.6	1,133	30.3	1.8	38.7%	5.7%
PVT	Vận tải	17.7	3.5%	1.3	248	3.3	1,953	9.0	1.2	12.8%	13.7%
VCS	Vật liệu xây dựng	88.2	2.3%	1.0	614	1.2	8,545	10.3	3.7	3.6%	39.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	37.1	-0.5%	0.5	723	0.2	1,323	28.0	2.6	6.6%	9.3%
HT1	Vật liệu xây dựng	17.7	1.1%	0.9	294	0.7	1,613	11.0	1.3	4.8%	11.5%
CTD	Xây dựng	75.4	2.0%	1.0	244	2.1	5,769	13.1	0.7	45.3%	5.2%
CII	Xây dựng	22.3	4.5%	0.5	231	1.9	1,187	18.7	1.1	31.5%	5.8%
REE	Điện	56.9	0.4%	-1.4	765	2.2	5,249	10.8	1.5	49.0%	14.9%
PC1	Điện	28.4	1.8%	-0.4	236	1.4	2,642	10.7	1.4	12.8%	13.6%
POW	Điện	13.1	3.6%	0.6	1,329	5.7	938	13.9	1.1	7.7%	7.9%
NT2	Điện	23.1	2.9%	0.5	289	0.7	2,095	11.0	1.5	17.1%	14.3%
KBC	Khu công nghiệp	39.3	0.8%	1.1	803	5.6	363	108.1	1.9	21.1%	1.8%
BCM	Khu công nghiệp	57.5	0%	1.0	2,588	0.1			3.8	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GAS	91.90	2.91	1.33	1.66MLN
VHM	103.00	1.38	1.25	2.30MLN
VCB	99.20	1.02	0.99	911200
TCB	40.20	2.42	0.89	12.62MLN
CTG	38.10	2.28	0.85	13.95MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-0.45	777700	1.11MLN
LGC	0.00	-0.21	1400	607060
VCF	0.00	-0.07	1500	373600
SVC	-0.01	-0.04	700	192700
SAB	0.00	-0.03	111500	611640

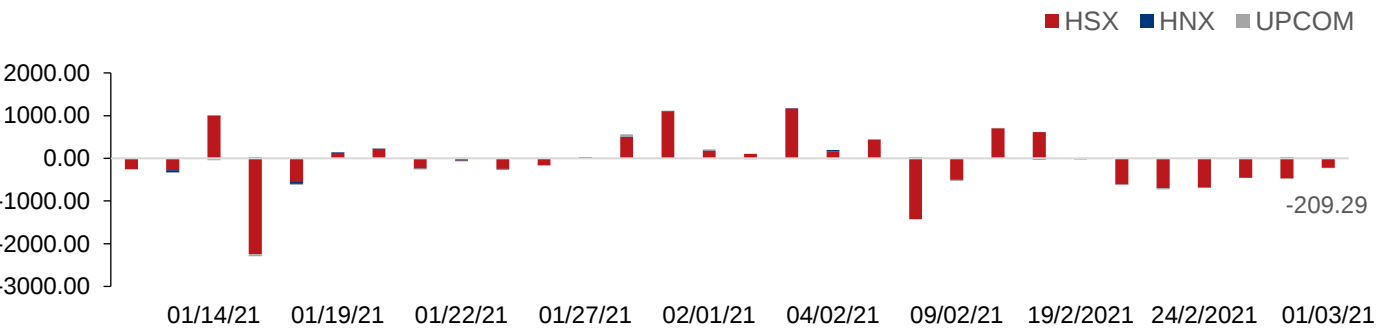
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TTB	6.88	7.00	0.01	4.10MLN
RAL	214.30	6.99	0.04	54400
TLH	9.05	6.97	0.02	784800
VRC	9.52	6.97	0.01	604700
LCG	16.90	6.96	0.03	10.13MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BTT	48.40	-6.92	-0.01	300
TDW	31.85	-6.87	-0.01	600
TIX	30.60	-6.85	-0.02	2500.00
SVT	13.75	-6.78	0.00	5200
BBC	59.60	-6.14	-0.02	300

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	14.9	1,390	10.7	0.9	Click
2	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	33.3	3,557	9.3	2.0	Click
3	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	76.3	3,450	22.1	4.5	Click
4	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	30.0	4,065	7.4	1.4	Click
5	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	38.1	3,674	10.4	1.7	Click
6	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	52.2	13,724	3.8	1.3	Click
7	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	65.2	5,729	11.4	2.5	Click
8	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	100.2	5,923	16.9	3.8	Click
10	DPM	Hóa chất	Theo dõi	21/9/20	16.9	18.4	17.5	1,663	10.5	0.8	Click
11	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	28.6	2,160	13.2	2.0	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	12/11/20	12.7	17.3	23.9	-833		2.0	Click
13	FPT	Viễn thông	Mua	28/9/20	50.3	63.6	77.9	4,122	18.9	3.9	Click
14	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	34.4	1,133	30.3	1.8	Click
15	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	42.1	6,277	6.7	2.0	Click
16	HPG	VLXD	Mua	9/11/20	30.3	41.0	46.2	4,056	11.4	2.6	Click
17	HSG	VLXD	Theo dõi	30/9/20	15.2	15.8	28.0	3,387	8.3	1.8	Click
18	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	17.7	1,613	11.0	1.3	Click
19	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	39.3	363	108.1	1.9	Click
20	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	32.5	2,043	15.9	2.2	Click
21	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	15.7			1.2	Click
22	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	35.5	2,528	14.0	1.4	Click
23	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	91.3	1,054	86.6	6.7	Click
24	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	134.8	8,654	15.6	3.9	Click
25	NLG	Bất động sản	Mua	23/2/21	25.0	34.6	36.9	2,975	12.4	1.7	Click
27	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	61.6	7,985	7.7	2.6	Click
28	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	27.6	1,842	15.0	1.8	Click
29	PNJ	Tiêu dùng	Mua	30/10/20	69.5	80.0	84.7	4,727	17.9	3.7	Click
30	POW	Điện	Mua	16/11/20	10.0	12.0	13.1	938	13.9	1.1	Click
31	PVD	Dầu khí	Theo dõi	1/9/20	11.4	13.5	24.4	0	85.9	0.7	Click
32	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	23.3	1,357	17.2	0.9	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	187.8	7,064	26.6	6.0	Click
36	SBT	Đường	Theo dõi	14/10/20	16.4	18.6	22.9	946	24.2	1.8	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	40.2	3,521	11.4	1.9	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	99.2	4,974	19.9	3.7	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	44.7	4,239	10.5	2.2	Click
41	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	19.2	563	34.1	1.6	Click
42	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	40.2	3,873	10.4	1.4	Click
43	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	105.6	4,770	22.1	7.1	Click
44	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	103.0	8,463	12.2	3.9	Click
45	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	29.5	1,071	27.6	2.5	Click
46	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.5	927	11.3	0.9	Click
47	GE2	Điện	Mua	20/1/20		25.5					Click
48	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
48	SCS	Hàng Không	Theo dõi	4/1/20	128.5	140.0	132.3	9,180	14.4	7.1	Click
49	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	40.8	4,271	9.6	1.9	Click
50	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	34.3	1,048	32.7	2.7	Click
51	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	96.6	4,105	23.5	8.3	Click



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
2	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
3	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
4	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
5	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
6	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
7	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
8	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
9	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
10	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
11	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
12	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
13	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
14	Fishery Outlook 2021		x	Click
15	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
16	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
17	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
18	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
19	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
20	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
21	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
22	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
23	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
24	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
25	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
26	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
27	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
28	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
29	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
31	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
32	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
33	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
34	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
35	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
36	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
37	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
38	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
40	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SBT 2020Q4	29/10/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 18600 ; Giá tại Publish 14500 Dự báo KQKD: Chúng tôi dự báo KQKD SBT ND 2020/21 sẽ đạt DTT và LNST lần lượt là 14,682 tỷ đồng (+13.6% YoY) và LNST là 448 tỷ đồng (+24% YoY), tương đương EPS fw là 738 đồng/cp – PE fw là 19x và PB fw là 1x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 79390 ; Giá tại Publish 66000
Express PNJ 2020Q4	22/10/20	Dự báo KQKD: 2020: DTT và LNST đạt lần lượt là 15,995 tỷ đồng (-6.7% YoY) và 917 tỷ đồng (-23% YoY), tương đương EPS fw 2020 là 4,030 đ/cp, PE fw = 16.5x và PB fw = 3x. 2021: DTT và LNST ước tính lần lượt 17,934 tỷ đồng (+12.1% YoY) và 1,024 tỷ đồng (+11.6% YoY) tương đương EPS 2021 fw = 4,478 đ/cp, PE Fw = 14.7x và PB fw = 2.7x. Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 15000 ; Giá tại Publish 11150
Express DXG 2020Q4	8/10/20	Cập nhật KQKD: BSC điều chỉnh dự báo kết quả kinh doanh năm 2020 của DXG với doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ 2020 ước tính lần lượt khoảng 3,730 tỷ đồng (-29.6% YoY) và 350 tỷ đồng (-71% YoY) do ảnh hưởng từ dịch Covid-19 đến mảng dịch vụ và trích lập dự phòng lỗ 526 tỷ từ việc thoái vốn LDG dựa trên giả định bàn giao khoảng 750 sản phẩm Gem Sky World trong Q4/2020. EPS 2020 = 635 đồng/cp. PE 2020FW = 17.2 lần

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639